

Số tham chiếu: 60758390/14592648

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học - Dược phẩm ICA

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học – Dược phẩm ICA và các công ty con (“Tập đoàn”), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày từ trang 4 đến trang 34 (sau đây được gọi chung là “các báo cáo tài chính hợp nhất”). Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Mai Viet Hung Tran

Mai Việt Hùng Trần
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: D.0048/KTV

Ronald C. Almera

Ronald C. Almera
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: N.0876/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 6 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		218.076.643.420	151.152.628.155
110	I. Tiền	4	6.889.554.338	6.746.020.058
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		189.072.707.066	88.227.395.379
131	1. Phải thu khách hàng		93.035.782.106	34.516.330.890
132	2. Trả trước cho người bán		22.349.077.072	22.972.949.082
135	3. Các khoản phải thu khác	5	73.687.847.888	30.738.115.407
140	III. Hàng tồn kho	6	14.948.463.292	44.944.918.905
141	1. Hàng tồn kho		18.441.650.840	46.059.498.637
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.493.187.548)	(1.114.579.732)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		7.165.918.724	11.234.293.813
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		742.153.483	289.627.390
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.170.493.847	5.377.176.615
154	3. Thuế và các khoản phải thu khác từ Nhà nước		203.142.194	203.142.194
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	2.050.129.200	5.364.347.614
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		415.331.511.965	461.263.549.151
220	I. Tài sản cố định		283.884.596.115	318.178.486.360
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	26.558.394.953	31.880.616.372
222	Nguyên giá		77.917.846.890	77.657.330.344
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(51.359.451.937)	(45.776.713.972)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	244.927.153.138	273.898.821.964
228	Nguyên giá		322.522.435.501	322.522.435.501
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(77.595.282.363)	(48.623.613.537)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	12.399.048.024	12.399.048.024
260	II. Tài sản dài hạn khác		6.931.927.823	5.278.860.460
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	4.338.443.452	4.520.459.050
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.2	2.139.169.116	347.275.407
268	3. Tài sản dài hạn khác		454.315.255	411.126.003
269	III. Lợi thế thương mại	12	124.514.988.027	137.806.202.331
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		633.408.155.385	612.416.177.306

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 25)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		406.524.505.786	402.677.253.530
310	I. Nợ ngắn hạn		364.141.455.037	344.847.446.317
311	1. Vay ngắn hạn	13	165.752.260.092	193.034.260.448
312	2. Phải trả người bán		74.039.831.011	64.312.444.745
313	3. Người mua trả tiền trước		268.611.812	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	43.346.539.462	35.932.015.619
315	5. Phải trả người lao động		3.529.093.590	2.221.987.115
316	6. Chi phí phải trả	15	20.452.124.418	13.829.478.932
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	46.250.984.540	23.776.964.859
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.502.010.112	11.740.294.599
330	II. Nợ dài hạn		42.383.050.749	57.829.807.213
331	1. Phải trả dài hạn người bán		7.572.800.000	8.970.500.000
333	2. Phải trả dài hạn khác		250.000.500	230.000.000
334	3. Vay dài hạn	17	31.105.000.000	46.093.717.389
336	4. Dự phòng trợ cấp thôi việc		3.455.250.249	2.535.589.824
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	18.1	226.862.046.714	209.722.424.444
410	I. Vốn chủ sở hữu		226.862.046.714	209.722.424.444
411	1. Vốn cổ phần	18.2	116.500.000.000	116.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		13.475.000.000	13.475.000.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		22.421.624.675	17.550.526.900
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		9.047.429.987	6.611.881.100
419	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.326.764.700	4.326.764.700
420	6. Lợi nhuận chưa phân phối		61.091.227.352	51.258.251.744
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		21.602.885	16.499.332
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		633.408.155.385	612.416.177.306


Nguyễn Huy Khang
Kế toán trưởng


Lương Quang Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 25)
01	1. Doanh thu bán hàng	19.1	346.175.732.505	318.566.931.823
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(188.894.420)	(3.545.736.141)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	19.1	345.986.838.085	315.021.195.682
11	4. Giá vốn hàng bán	20, 22	(163.493.589.179)	(197.072.265.702)
20	5. Lợi nhuận gộp		182.493.248.906	117.948.929.980
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	1.768.014.142	16.829.417.583
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	21	(23.840.392.589)	(32.746.639.520)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(20.815.841.548)	(19.235.288.533)
24	8. Chi phí bán hàng	22	(50.120.723.090)	(32.367.455.756)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(58.330.611.009)	(21.090.104.697)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		51.969.536.360	48.574.147.590
31	11. Thu nhập khác		1.195.755.645	260.430.868
32	12. Chi phí khác		(120.940.685)	(73.302.477)
40	13. Lợi nhuận khác		1.074.814.960	187.128.391
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		53.044.351.320	48.761.275.981
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(4.669.640.988)	(3.572.711.583)
52	16. Lợi ích (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	23.2	1.791.893.709	(221.639.209)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		50.166.604.041	44.966.925.189
61	Trong đó: 17.1. Lợi ích của các cổ đông thiểu số		5.103.553	-
62	17.2. Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		50.161.500.488	44.966.925.189
80	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		4.306	3.860


Nguyễn Huy Khang
Kế toán trưởng



Trương Quang Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 25)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		53.044.351.320	48.761.275.981
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	8, 9, 12	48.290.343.694	21.178.501.119
03	Các khoản dự phòng		2.378.607.816	(698.088.827)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		440.987.234	8.892.380.352
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(182.079.780)	(14.146.265.809)
06	Chi phí lãi vay	21	20.815.841.548	19.235.288.533
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		124.788.051.832	83.223.091.349
09	Tăng các khoản phải thu		(96.725.225.463)	(3.466.754.992)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		27.617.847.797	(4.125.047.336)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		6.974.384.471	(2.438.589.450)
12	Tăng chi phí trả trước		(270.510.495)	(224.469.813)
13	Tiền lãi vay đã trả		(15.464.796.547)	(16.016.746.348)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	23.1	-	(478.735.556)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.135.162.705)	(1.306.179.021)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		41.784.588.890	55.166.568.833
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(705.239.145)	(1.348.615.940)
26	Tiền chi để mua các công ty con, trừ đi tiền thu về		-	(15.785.519.482)
28	Tiền thu lãi cho vay		182.079.780	185.385.788
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(523.159.365)	(16.948.749.634)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được		74.572.667.406	157.670.762.711
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(115.690.562.651)	(162.862.022.200)
36	Cổ tức đã trả		-	(30.608.250.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(41.117.895.245)	(35.799.509.489)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 25)
50	Tăng tiền thuần trong năm		143.534.280	2.418.309.710
60	Tiền đầu năm	4	6.746.020.058	4.327.710.348
70	Tiền cuối năm	4	6.889.554.338	6.746.020.058



Nguyễn Huy Khang
Kế toán trưởng



Lương Quang Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 6 năm 2011